

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 7
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	8 - 9
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 13
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	15 - 16
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	17 - 55
8. Phụ lục	56 - 60

Công ty mẹ

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty cổ phần Phong Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 733.505.810.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	51,00
Các cổ đông khác	359.417.850.000	49,00
Cộng	733.505.810.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 – 8) 35 147 340
Fax : (84 – 8) 38 406 790
Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 6 0 0 6

Văn phòng đại diện

Địa chỉ : 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 – 8) 35 147 340
Fax : (84 – 8) 38 406 790
Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 6 0 0 6 – 005

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	378 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy dệt 2 - Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	Đường số 3, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	294 Ông Ích Khiêm, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Bình Thuận	215B Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Hà Nội	184 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Cần Thơ	78A2 Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc, vải không dệt khác, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tây, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng), sản phẩm may mặc (trừ trang phục từ da lông thú), giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may, khăn, vải sợi, chỉ khâu, chỉ thêu, quần áo, bao bì, nguyên phụ liệu ngành dệt may, bông, xơ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bảo hộ lao động, vải, hàng thời trang, hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên dụng, vật liệu xây dựng, lâm sản;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, máy móc – thiết bị và phụ tùng nông nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường, vật liệu điện tử, thực phẩm, hóa mỹ phẩm, thủ công mỹ nghệ, văn phòng phẩm, đồ nhựa, dụng cụ quang học, nông-lâm-sản, phần mềm và thiết bị tin học, bất động sản;
- Lắp đặt hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy, thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Tư vấn, thiết kế dịch vụ đầu tư và hạ tầng;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Chăn nuôi trâu, bò, gia cầm, lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Đại lý du lịch; dịch vụ lưu trú ngắn ngày: khách sạn, khu du lịch (không hoạt động Karaoke, vũ trường, xoa bóp, bowling, bida, khách sạn, đại lý cung cấp dịch vụ Internet);
- Dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở), chuyên giao công nghệ;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí: xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây lấy quả - cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh, và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Các công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Giấy phép thành lập</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Số 4103008460 ngày 16 tháng 11 năm 2007, thay đổi thứ 02 ngày 30 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	50,08%
Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Số 0305327881 ngày 16 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	53,35%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Giấy phép thành lập</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Số 4104005459 ngày 19 tháng 7 năm 2008, thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	100,00%
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.	Số 4103003574 ngày 08 tháng 7 năm 2005, thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	60,99%
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Số 3703000219 ngày 08 tháng 8 năm 2006, thay đổi lần thứ 03 ngày 22 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.	73,59%
Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước	Số 18 Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Số 4103008377 ngày 09 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	74,45%
Công ty TNHH nhuộm và hoàn tất vải Domatex	Số 727 Âu Cơ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Số 411022000280 ngày 09 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp.	100,00%
Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân	Số 37 Trần Hưng Đạo, phường 10, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Số 5800670940 ngày 9 tháng 03 năm 2009 thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.	89,92%
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Số 4103008798 ngày 12 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	65,00%
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	đường số 3, lô B, Khu công nghiệp Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng	Số 0400659823 ngày 09 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	60,74%
Công ty TNHH Phong Phú may thời trang	Ấp 1, xã Sông Trà, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Số 3602270009 ngày 05 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	70,06%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Phong Phú	Lầu 5, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Số 0310472468 ngày 24 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	100,00%
Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	17 Hai Bà Trưng, phường Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Số 4201220884 ngày 29 tháng 9 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.	58,82%
Công ty TNHH Linen Supply	Khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Số 472022001118 ngày 15 tháng 5 năm 2014 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.	60,00%
Công ty cổ phần may Gia Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Số 0312971173 ngày 14 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	51,00%

0501
 CC
 ÁCH M
 M TO
 A
 /INH-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn đã tiến hành thủ tục giải thể Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú, sáp nhập Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú và Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú bằng phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú để hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của 02 công ty này (trừ cổ đông chính là Tổng Công ty cổ phần Phong Phú) theo tỷ lệ hoán đổi là 1:1 (một đổi một). Đây là chương trình tái cấu trúc của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú nằm trong chiến lược để đón đầu Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 10 đến trang 60).

Trong năm, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 09 tháng 4 năm 2014 như sau:

Chia cổ tức bằng tiền (15% mệnh giá)	98.437.500.000 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.000.000.000 VND
Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị	3.347.465.471 VND
Cộng	<u>109.784.965.471 VND</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú hằng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	15 tháng 01 năm 2009	-
Ông Trần Quang Sáng	Ủy viên	15 tháng 01 năm 2009	-
Ông Phạm Xuân Trinh	Ủy viên	15 tháng 01 năm 2009	-
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	29 tháng 12 năm 2010	-
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	08 tháng 01 năm 2014	-

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị được tái bổ nhiệm cho nhiệm kỳ II (2014-2019) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09 tháng 4 năm 2014.

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	Trưởng ban	26 tháng 6 năm 2010	-
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	27 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên	15 tháng 01 năm 2009	-

1449
NG
HIỆM
VN VÀ
&
TPH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tất cả các thành viên Ban kiểm soát được tái bổ nhiệm cho nhiệm kỳ II (2014-2019) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09 tháng 4 năm 2014.

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trinh	Tổng Giám đốc	03 tháng 6 năm 2013	-
Bà Bùi Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 6 năm 2010	-
Bà Phan Kim Hằng	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 11 năm 2010	-
Ông Trần Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2014	-
Ông Đinh Hồng Tiến	Giám đốc điều hành	01 tháng 6 năm 2011	-
Ông Tạ Cẩm Hùng	Giám đốc điều hành	02 tháng 01 năm 2014	01 tháng 10 năm 2014 (Chuyển công tác)
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	02 tháng 01 năm 2014	-
Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Giám đốc điều hành	02 tháng 01 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	30 tháng 5 năm 2014	-
Ông Võ Đình Hùng	Giám đốc điều hành	30 tháng 5 năm 2014	-
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	15 tháng 5 năm 2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

315-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
C
CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015





Số: 0301/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2015, từ trang 10 đến trang 60, bao gồm: Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1


Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

SOC
CO
CHN
ITOI
A
VH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.298.483.546.817	2.296.019.388.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.236.462.893	76.232.264.483
1. Tiền	111		44.236.462.893	70.032.264.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	6.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		128.489.068.330	367.773.898.001
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	132.292.162.050	385.927.837.265
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.803.093.720)	(18.153.939.264)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.220.708.479.730	972.724.991.945
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	819.026.964.339	748.907.207.797
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	132.166.513.380	44.959.977.218
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	302.349.870.887	223.605.794.013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(32.834.868.876)	(44.747.987.083)
IV. Hàng tồn kho	140		816.827.161.035	828.718.303.176
1. Hàng tồn kho	141	V.8	827.213.466.054	838.221.353.688
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(10.386.305.019)	(9.503.050.512)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.222.374.829	50.569.930.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.938.927.822	2.202.051.619
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		59.821.606.049	35.165.435.457
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	5.112.891.816	4.842.478.278
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	5.348.949.142	8.359.965.629

1498
NG T
HIỆM H
N VÀ T
& C
P.HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.373.778.140.695	2.239.877.545.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.032.710.277
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	5.032.710.277
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.174.410.802.701	1.213.140.780.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.082.976.856.892	1.105.735.346.296
<i>Nguyên giá</i>	222		2.430.319.011.550	2.358.721.657.856
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.347.342.154.658)	(1.252.986.311.560)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	36.743.932.168	44.476.168.940
<i>Nguyên giá</i>	225		39.807.974.302	48.163.232.646
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(3.064.042.134)	(3.687.063.706)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	53.262.063	104.822.656
<i>Nguyên giá</i>	228		234.000.000	234.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(180.737.937)	(129.177.344)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	54.636.751.578	62.824.442.744
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.177.742.295.310	978.829.202.745
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	488.544.021.294	489.507.989.058
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	715.875.058.175	513.945.112.871
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(26.676.784.159)	(24.623.899.184)
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.614.843.026	31.975.724.382
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	10.022.222.365	27.301.693.933
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		137.950.066	1.972.436.237
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.454.670.595	2.701.594.212
VI. Lợi thế thương mại	269	V.21	8.010.199.658	10.899.127.105
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.672.261.687.512	4.535.896.933.733

S-C.T.
 Y
 HẠN
 VẤN
 CHỈ NHẠP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.203.957.303.387	3.089.553.974.846
I. Nợ ngắn hạn	310		1.931.134.177.170	2.123.197.996.712
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	1.458.277.492.067	1.510.091.541.235
2. Phải trả người bán	312	V.23	248.082.481.551	294.341.695.468
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	28.633.299.606	24.137.442.690
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	24.145.500.033	35.261.817.077
5. Phải trả người lao động	315	V.26	110.560.814.876	115.514.940.965
6. Chi phí phải trả	316	V.27	5.609.606.507	4.402.822.917
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	53.499.074.060	130.669.403.103
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	2.325.908.470	8.778.333.257
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.272.823.126.217	966.355.978.134
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.30	23.399.508.851	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.31	32.425.616.270	32.397.338.870
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.32	1.214.141.251.262	932.096.707.266
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.856.749.834	1.861.931.998
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.348.412.631.684	1.182.618.373.446
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.348.412.631.684	1.182.618.373.446
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	733.505.810.000	656.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	35.460.836.001	35.460.836.001
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.33	(692.500.000)	(12.823.260.643)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	247.204.442.573	190.339.807.769
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	34.059.573.672	33.914.367.662
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	298.874.469.438	279.476.622.657
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.34	119.891.752.441	263.724.585.441
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.672.261.687.512	4.535.896.933.733

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		11.812.421.841	8.383.843.454
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		134.339,22	564.558,93
Euro (EUR)		2,86	2,86
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Phạm Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.186.807.086.847	4.297.726.077.554
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.181.998.527	3.083.289.333
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4.181.625.088.320	4.294.642.788.221
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.787.324.232.197	3.719.789.225.514
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		394.300.856.123	574.853.562.707
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	101.803.366.496	47.659.805.761
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	164.827.864.629	216.872.512.678
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		145.721.490.502	178.331.879.629
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	90.894.923.079	101.405.619.931
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	202.980.155.200	193.744.035.857
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.401.279.711	110.491.200.002
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	38.977.878.426	67.577.012.543
12.	Chi phí khác	32	VI.8	40.932.115.230	67.957.869.085
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.954.236.804)	(380.856.542)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		185.413.850.462	170.821.441.986
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		220.860.893.369	280.931.785.446
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	18.833.667.360	38.189.158.328
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		129.091.274	(1.972.436.237)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>201.898.134.735</u>	<u>244.715.063.355</u>
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		23.520.299.227	17.691.419.572
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		178.377.835.508	227.023.643.783
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.558</u>	<u>3.516</u>

300
CỎI
CHNH
1 TOA
A
VH-TPhạm Thị Quỳnh Trang
Người lập biểuTrương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởngPhạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		220.860.893.369	280.931.785.446
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13, 14, 21	143.916.706.721	138.121.557.197
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7, 9, 19	(15.911.587.226)	13.543.482.247
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, 4	(1.449.940.816)	1.329.203.587
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	(80.428.106.899)	(196.533.410.921)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	145.721.490.502	178.331.879.629
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		412.709.455.651	415.724.497.185
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(412.469.864.291)	(108.991.135.182)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.007.887.634)	(166.143.870.413)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		210.890.443.636	(32.969.596.139)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.542.595.365	21.440.219.725
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, 28; VI.4	(166.968.404.677)	(166.923.147.663)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(41.957.925.254)	(56.651.700.275)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		38.593.420.000	66.210.443.327
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(31.988.470.502)	(96.899.286.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.343.362.294	(125.203.575.986)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(80.650.417.337)	(92.640.186.349)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		16.198.932.466	62.369.844.201
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.200.000.000)	(211.029.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		91.395.914.000	78.450.672.589
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(122.190.511.000)	(24.077.242.177)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		68.789.222.414	42.716.086.749
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	30.916.995.046	137.368.679.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.739.864.411)	(6.841.145.817)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	3.050.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.239.575.431.686	5.387.573.432.544
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.000.965.239.729)	(5.227.477.436.948)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(73.595.976.914)	(4.428.485.036)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(153.678.060.500)	(22.153.260.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>11.336.154.543</i>	<i>133.517.299.760</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(17.060.347.574)	1.472.577.957
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	76.232.264.483	74.853.918.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		64.545.984	(94.231.980)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	59.236.462.893	76.232.264.483

Phạm Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại, đầu tư.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Nhuộm và hoàn tất vải; Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Sản xuất sợi, sợi nhân tạo (trừ tái chế thải); Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc; Sản xuất và kinh doanh nước khoáng, bia, rượu, nước giải khát các loại; Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì phục vụ cho ngành bia rượu, nước giải khát; Kinh doanh dịch vụ vận tải, ...
- Tổng số các công ty con** : 15
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 15
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%
Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.	53,35%	53,35%
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.	60,99%	60,99%
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	73,59%	73,59%
Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước	Số 18 Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	74,45%	74,45%



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân	Số 37 Trần Hưng Đạo, phường 10, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	89,92%	89,92%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Phong Phú	Lầu 5, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty TNHH nhuộm và hoàn tất vải Domatex	Số 727 Âu Cơ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	71,02%	100,00%
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Đường số 3, lô B, Khu công nghiệp Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng	60,74%	60,74%
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	61,73%	65,00%
Công ty TNHH Phong Phú may thời trang	Áp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	70,06%	70,06%
Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	17 Hai Bà Trưng, phường Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	43,29%	58,82%
Công ty TNHH Linen Supply	Khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần may Gia Phú	Số 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
Công ty cổ phần may Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	Tòa nhà Gilimex, tầng 12-2, 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	25,00%
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	Số 9/7 đường số 3, phường Bình Trưng Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị 9	Số 159 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	21,51%	21,51%
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	Số 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	17,32%	17,32%
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	47,68%	47,68%
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	Thôn Hạnh Trí, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	Thôn Phú Hải 2, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	38,42%	38,42%
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	Lầu 7, số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 5.691 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.939 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Tập đoàn đã tiến hành thủ tục giải thể Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú, sáp nhập Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú và Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú bằng phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú để hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của 02 công ty này (trừ cổ đông chính là Tổng Công ty cổ phần Phong Phú) theo tỷ lệ hoán đổi là 1:1 (một đổi một). Đây là chương trình tái cấu trúc của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú nằm trong chiến lược để đón đầu Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

0044
CÔNG
NHỊ
TOÁN
&
/T.P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

1875
TY
HỮU
TÀI
C
HỒ CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các máy móc thiết bị từ 06 – 10 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí cải tạo văn phòng làm việc

Chi phí cải tạo văn phòng làm việc được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa nâng cấp nhà xưởng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí di dời

Chi phí di dời được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại các công ty trong Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại các công ty trong Tập đoàn mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty cổ phần Phong Phú phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông/Hội đồng thành viên của các công ty trong Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

044
ÔN
NHIỆ
DÀN
&
T.P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.073 VND/USD.
31/12/2014: 21.371 VND/USD.

24. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

9815.
CÔNG TY
THƯỜNG
HỮU
HẠN
C
HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.11.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.482.738.203	3.812.857.692
Tiền gửi ngân hàng	42.753.724.690	66.219.406.791
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	15.000.000.000	6.200.000.000
Cộng	<u>59.236.462.893</u>	<u>76.232.264.483</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		20.245.333.720		23.910.094.935
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	503.300	10.245.333.720	661.680	13.469.317.000
- Tổng Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí (DPM)	-	-	5.000	210.072.750



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần bóng đèn Điện Quang (DQC)	-	-	2.000	39.963.702
- Công ty cổ phần phát triển nhà và đô thị Nha Trang	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (VCB)	-	-	7.110	190.741.483
Cho vay ngắn hạn		111.986.828.330		267.712.742.330
Trái phiếu chuyển đổi		60.000.000		60.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		94.245.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng		-		4.245.000.000
- Công ty cổ phần hóa dầu và xơ sợi dầu khí		-	9.000.000	90.000.000.000
Cộng		132.292.162.050		385.927.837.265

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam: giảm do bán 158.380 cổ phiếu với giá bán là 3.460.996.000 VND.
- Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí giảm do bán 5.000 cổ phiếu với giá bán là 150.800.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần bóng đèn Điện Quang giảm do bán 2.000 cổ phiếu với giá bán là 84.000.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam giảm do bán 7.110 cổ phiếu với giá bán là 210.456.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần hóa dầu và xơ sợi dầu khí giảm do bán 9.000.000 cổ phiếu với giá bán là 90.000.000.000 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(18.153.939.264)	(11.439.129.972)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	14.350.845.544	(6.714.809.292)
Số cuối năm	(3.803.093.720)	(18.153.939.264)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	615.510.319.530	166.160.737.664
Tại Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	-	179.769.180.705
Tại Công ty TNHH Phong Phú may thời trang	871.666.976	871.666.976
Tại Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	-	127.298.365.638
Tại Công ty cổ phần Đông Nam	10.840.186.822	2.503.421.061
Tại Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	-	91.247.956.024
Tại Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	33.776.559.507	28.851.122.224

N:03
C
RÁC
IỂM T
BẢN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước	-	12.334.000
Tại Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	110.951.203.782	111.466.746.708
Tại Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	47.020.210.122	40.725.676.797
Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	4.000.000	-
Công ty TNHH Linen Supply	52.817.600	-
Cộng	<u>819.026.964.339</u>	<u>748.907.207.797</u>
5. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	22.166.507.395	17.980.865.767
Tại Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	-	853.321.109
Tại Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	-	12.234.615.608
Tại Công ty cổ phần Đông Nam	65.429.839.457	110.657.590
Tại Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	-	8.164.432.195
Tại Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	36.939.023.559	2.558.703.626
Công ty cổ phần Phong Vân	-	758.661.920
Tại Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	673.313.529	2.198.719.403
Tại Công ty TNHH Linen Supply	394.617.250	-
Tại Công ty cổ phần may Gia Phú	6.563.212.190	-
Tại Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	-	100.000.000
Cộng	<u>132.166.513.380</u>	<u>44.959.977.218</u>
6. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	172.269.188.891	129.734.651.500
Khoản ứng trước cho Ban quản lý dự án khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Các khoản cho vay	4.952.458.302	4.570.277.275
Phải thu lãi cho vay	31.589.630.323	24.556.534.321
Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân - Bình Chánh - Hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn	-	14.000.000.000
Thuế GTGT liên quan đến giá trị chuyển nhượng dự án	1.300.000.000	1.300.000.000
Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn - Thực hiện dự án khu dân cư Phước Long	3.242.551.090	10.316.136.364
Phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tài Tín	2.725.177.737	3.242.551.090
Công ty cổ phần thương mại bất động sản Dương Trần - Chuyển nhượng dự án	35.000.000.000	-
Phải thu Công ty TNHH TM Phước Phát - Chuyển nhượng Phong Vân	16.145.000.000	-
Các khoản phải thu khác	16.125.864.544	16.885.643.463
Cộng	<u>302.349.870.887</u>	<u>223.605.794.013</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(32.834.868.876)	(44.612.526.744)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	(135.460.339)
Cộng	<u>(32.834.868.876)</u>	<u>(44.747.987.083)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(44.747.987.083)	(41.889.502.048)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	4.496.881.164	(2.858.485.035)
Giảm do xóa khoản dự phòng	7.416.237.043	-
Số cuối năm	<u>(32.834.868.876)</u>	<u>(44.747.987.083)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	417.431.205	774.256.590
Nguyên liệu, vật liệu	194.301.816.011	197.573.845.358
Công cụ, dụng cụ	69.333.235	23.690.569
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	446.194.634.058	444.651.958.577
Thành phẩm	165.501.829.070	172.105.882.478
Hàng hóa	5.707.184.128	7.922.869.909
Hàng gửi đi bán	15.021.238.347	15.168.850.207
Cộng	<u>827.213.466.054</u>	<u>838.221.353.688</u>

- (*) Bao gồm quyền sử dụng đất của khu đất xây dựng chung cư Nhân Phú có diện tích là 4.078,3 m² và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án chung cư Nhân Phú được thế chấp đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Giá trị dở dang của dự án này tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 98.757.482.535 VND.

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng khác (xem thuyết minh số V.22 và V.32).

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	(4.555.959.082)	(4.286.422.281)
Thành phẩm	(5.830.345.937)	(5.216.628.231)
Cộng	<u>(10.386.305.019)</u>	<u>(9.503.050.512)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(9.503.050.512)	(4.309.909.037)
Trích lập dự phòng	(883.254.507)	(5.193.141.475)
Số cuối năm	<u>(10.386.305.019)</u>	<u>(9.503.050.512)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	49.321.788	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.660.609
Thuế xuất, nhập khẩu	4.855.545.902	4.712.286.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	207.769.015	127.194.508
Các loại thuế khác	255.111	1.336.164
Cộng	<u>5.112.891.816</u>	<u>4.842.478.278</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	5.214.206.178	8.268.640.720
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	30.232.913	35.357.573
Tài sản thiếu chờ xử lý	104.510.051	55.967.336
Cộng	<u>5.348.949.142</u>	<u>8.359.965.629</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.639.064.414.162 VND và 696.416.138.502 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.22 và V.32).

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	48.163.232.646
Mua sắm mới	43.770.824.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	20.115.154.536
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(34.550.157.201)
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(37.691.080.588)
Số cuối năm	<u>39.807.974.302</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	3.687.063.706
Khấu hao trong năm	7.453.638.549
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.935.736.728)
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(3.140.923.393)
Số cuối năm	<u>3.064.042.134</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	44.476.168.940
Số cuối năm	<u>36.743.932.168</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy tính</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	234.000.000
Số cuối năm	<u>234.000.000</u>
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	85.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	129.177.344
Khấu hao trong năm	51.560.593
Số cuối năm	<u>180.737.937</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	104.822.656
Số cuối năm	<u>53.262.063</u>
Trong đó:	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí mua sắm TSCĐ	3.519.165.572	17.426.304.066
XDCB dở dang	49.901.178.560	36.362.858.678
Thuê tài chính	-	9.035.280.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.216.407.446	-
Cộng	<u>54.636.751.578</u>	<u>62.824.442.744</u>

16. Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về chuyển nhượng công ty con (Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân)

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày chuyển nhượng như sau:

Tiền và các khoản tương đương tiền	10.782.674
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	175.000.000
Trả trước cho người bán	758.661.920
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	76.803.929
Tài sản ngắn hạn khác	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	14.200.000.000
Tài sản cố định hữu hình	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.838.821.403
Vay và nợ ngắn hạn	(500.000.000)
Phải trả cho người bán	(266.444.200)
Tài sản thuần	38.793.625.726
Lợi ích của cổ đông thiểu số	3.908.677.655
Tài sản thuần được bán (a)	34.884.948.071
Giá chuyển nhượng (b)	30.345.000.000
Lợi nhuận [(b) – (a)]	(4.539.948.071)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thu thuần từ việc chuyển nhượng công ty con:

Thu bằng tiền	14.200.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	10.782.674
Tiền thu thuần	14.189.217.326

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá trị
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Sản xuất sợi	30,00	110.673.982.099	30,00	112.731.947.945
Công ty cổ phần may Đà Lạt	Sản phẩm may	40,00	4.993.078.985	40,00	5.592.392.767
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp,...	26,93	51.705.314.108	27,07	51.859.996.444
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	Thiết kế, xây lắp, đầu tư xây dựng, ...	35,00	13.932.060.442	35,00	14.016.964.931
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9	Đầu tư, kinh doanh và cho thuê phòng	21,51	10.863.726.888	21,51	11.278.868.143
Công ty TNHH vận tải giao nhận Trimax	Giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu	-	-	34,98	18.490.406.283
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	Sản xuất dệt may,...	17,32	91.432.205.592	17,32	80.361.553.572
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Sản xuất dệt may,...	47,68	144.107.917.631	47,68	144.606.926.328
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	Sản xuất dệt may,...	40,00	36.369.858.194	44,02	24.728.947.081
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	Thương mại, dịch vụ, du lịch,...	38,42	6.765.877.355	38,12	6.319.644.456
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	Thương mại, dịch vụ, du lịch ...	22,56	17.700.000.000	29,68	17.700.000.000
Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú	Thương mại, sản xuất,...	-	-	29,97	1.820.341.108
Cộng			488.544.021.294		489.507.989.058

Các khoản đầu tư vào Công ty TNHH vận tải giao nhận Trimax và Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú giảm do thanh lý.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	209.899.399.581	219.230.273.972
- Công ty cổ phần bất động sản điện lực dầu khí	1.632.001.526	1.632.001.526
- Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	13.027.052.451
- Công ty cổ phần bất động sản dệt may Việt Nam	27.459.839.897	27.459.839.897
- Công ty cổ phần đầu tư Phước Long	4.828.700.437	4.828.700.437
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	12.533.634.095

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	5.852.355.319
- Công ty cổ phần tiếp vận Hoàng Kim	-	930.874.391
- Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	1.337.103.882
- Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may	11.282.879.453	11.282.879.453
- Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	2.984.184.383
- Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	12.018.427.562
- Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	1.813.677.770
- Công ty cổ phần tiếp vận xanh	512.417.980	512.417.980
- Công ty cổ phần thương mại Chơn	750.000.000	750.000.000
- Công ty cổ phần cung ứng vật tư dệt may Việt Nam	120.000.000	120.000.000
- Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	6.400.000.000
- Công ty cổ phần Thông Đức	49.600.000.000	49.600.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vinatex	-	7.500.000.000
- Công ty cổ phần chỉ may Phong Việt	-	2.000.000.000
- Công ty cổ phần bông Tây Nguyên	266.915.000	266.915.000
- Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	53.163.455.345	53.163.455.345
- Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	3.216.754.481
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	2.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn dự án	503.975.658.594	294.714.838.899
- Công ty cổ phần đầu tư Phước Long - dự án trung tâm thương mại Phước Long B	13.819.050.602	19.205.241.907
- Dự án khu công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	35.000.000.000
- Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
- Dự án Tổ Hợp Ánh Dương (HUD Sơn Trà)	110.196.192.000	110.196.192.000
- Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH thương mại dịch vụ Song Hoàng	-	1.543.500.000
- Tổng công ty nông nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên:		
+ Dự án khu nhà ở công nhân ở Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	92.607.870.584	92.607.870.584
+ Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân	23.871.850.408	22.681.339.408
Cộng	<u>715.875.058.175</u>	<u>513.945.112.871</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần tiếp vận Hoàng Kim giảm do chuyển nhượng.
- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định tăng do góp thêm vốn
- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vinatex giảm do chuyển nhượng.
- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần chỉ may Phong Việt giảm do chuyển nhượng.
- Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư Phước Long - dự án trung tâm thương mại Phước Long B giảm do cản trở các chi phí phát sinh.
- Khoản đầu tư vào Dự án khu công nghiệp Đồng Mai tăng do góp thêm vốn.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH thương mại dịch vụ Song Hoàng giảm do thu hồi khoản đầu tư.
- Khoản đầu tư vào Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân tăng do góp thêm vốn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(24.623.899.184)	(25.846.852.739)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	(2.052.884.975)	1.222.953.555
Số cuối năm	<u>(26.676.784.159)</u>	<u>(24.623.899.184)</u>

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.745.807.726	5.839.200.017
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà xưởng	6.456.010.773	2.152.323.902
Chi phí di dời nhà xưởng, văn phòng làm việc	-	13.389.284.700
Chi phí trả trước dài hạn khác	820.403.866	5.920.885.314
Cộng	<u>10.022.222.365</u>	<u>27.301.693.933</u>

21. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm	29.260.504.150
Giảm do giải thể	(1.176.360.782)
Giảm do sáp nhập	(5.805.190.000)
Điều chỉnh khác	1.320.690.358
Số cuối năm	<u>23.599.643.726</u>

Số đã phân bổ

Số đầu năm	18.361.377.045
Phân bổ trong năm	2.770.981.096
Giảm do giải thể	(496.565.443)
Điều chỉnh giảm các giá trị phân bổ lũy kế của các Công ty con đã thanh lý, sáp nhập	(5.046.348.630)
Số cuối năm	<u>15.589.444.068</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	10.899.127.105
Số cuối năm	<u>8.010.199.658</u>

22. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.272.071.282.608	1.188.870.986.086
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	672.327.788.259	678.491.264.237
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	194.664.571.086	190.300.480.352
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	-	10.850.202.610
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.403.106.722	2.828.986.292
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv)	41.910.132.225	21.615.732.606

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ^(v)	247.821.315.126	107.172.321.358
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(vi)	60.345.868.284	126.977.595.283
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh quận 2, TP. Hồ Chí Minh	44.036.426.146	11.309.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam	-	23.527.327.014
- Ngân hàng thương mại cổ phần Eximbank – Chi nhánh Tân Sơn Nhất	-	9.225.903.595
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VP Bank	-	4.944.838.294
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín	8.562.074.760	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	1.627.334.445
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân khác	85.244.773.512	195.274.070.528
- Chi nhánh Công ty Tài chính Dệt may	63.544.773.512	80.528.350.073
- Tập đoàn dệt may Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tập đoàn dầu khí Việt Nam	-	82.000.000.000
- Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may Việt Nam	1.700.000.000	1.700.000.000
- Cá nhân khác	-	11.045.720.455
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.32)	100.961.435.947	121.940.106.481
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.32)	-	4.006.378.140
Cộng	<u>1.458.277.492.067</u>	<u>1.510.091.541.235</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một phần tài sản cố định, và quyền sử dụng đất tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.12).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp, một phần tài sản cố định và tín chấp (xem thuyết minh số V.12).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển của Tập đoàn kèm theo cam kết đền bù ba bên - bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro phụ (xem thuyết minh số V.8).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một phần hàng tồn kho thành phẩm, tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8 và V.12).
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại số 12 Nguyễn Gia Thiều, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và tại Km 1447 Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, một phần tài sản cố định và hàng tồn kho sợi, thành phẩm (xem thuyết minh số V.8 và V.12).

PHONG PHÚ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.8).

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng khác còn lại, các tổ chức khác và các nhân để bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này đều là vay tín chấp.

23. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	177.652.553.619	48.162.737.508
Tại Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	-	71.845.677.749
Tại Công ty TNHH Phong Phú may thời trang	401.042.280	401.042.280
Tại Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	-	48.383.977.843
Tại Công ty cổ phần Đông Nam	2.521.321.145	404.378.456
Tại Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	-	72.514.015.236
Tại Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	55.283.224.110	47.468.106.516
Tại Công ty cổ phần Phong Vân	-	229.750.200
Tại Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	8.280.344.488	2.555.888.902
Tại Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	2.147.164.774	2.376.120.778
Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	90.000.000	-
Công ty TNHH Linen Supply	1.619.739.662	-
Công ty cổ phần may Gia Phú	87.091.473	-
Cộng	<u>248.082.481.551</u>	<u>294.341.695.468</u>

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	20.674.904.907	14.980.227.921
Tại Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	-	1.659.969.877
Tại Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	-	3.849.937.305
Tại Công ty cổ phần Đông Nam	2.072.994.839	805.523.290
Tại Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	-	262.772.569
Tại Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	39.723.206	21.551.120
Tại Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	5.845.676.654	2.557.460.608
Cộng	<u>28.633.299.606</u>	<u>24.137.442.690</u>

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.549.411.614	2.749.111.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.943.819.263	26.033.743.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	37.868.402
Thuế thu nhập cá nhân	2.646.993.179	6.415.615.425
Thuế tài nguyên	17.999.999	10.800.000
Tiền thuê đất	7.979.265.673	5.422.410
Các loại thuế khác	8.010.305	9.255.179
Cộng	<u>24.145.500.033</u>	<u>35.261.817.077</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ:	10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông cotton:	05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	5.110.886.833	12.695.411.989
Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	4.625.599.290	10.630.876.265
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	1.237.604.929	1.259.013.119
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	620.978.787	8.510.729.731
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	6.565.180.286	4.451.423.070
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Phong Phú	-	1.076.302
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	673.417.235	640.627.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>18.833.667.360</u>	<u>38.189.158.328</u>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước của dự án Nhân Phú

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT – BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả lãi vay phải trả	755.141.251	2.226.571.568
Chi phí hoa hồng	1.141.545.802	1.063.434.631
Chi phí khác	3.712.919.454	1.112.816.718
Cộng	<u>5.609.606.507</u>	<u>4.402.822.917</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	3.210.001.209	1.686.171.094
Lãi vay phải trả	14.787.816.424	34.563.300.282
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.963.334.900	82.050.243.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.537.921.527	12.369.688.327
Cộng	53.499.074.060	130.669.403.103

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	452.124.383	1.452.095.180
Quỹ phúc lợi	1.094.507.109	2.304.567.712
Quỹ thưởng ban điều hành	252.193.181	3.204.942.655
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	527.083.797	1.816.727.710
Cộng	2.325.908.470	8.778.333.257

30. Phải trả dài hạn người bán

Phải trả tiền mua máy móc thiết bị nhập khẩu của Century Tokyo Leasing Corporation.

31. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	20.576.000.000	20.576.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư Phước Long	16.026.000.000	16.026.000.000
- Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Tâm Trang	2.950.000.000	2.950.000.000
- Các cá nhân	1.600.000.000	1.600.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	11.849.616.270	11.768.613.870
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	52.725.000
Cộng	32.425.616.270	32.397.338.870

32. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	402.611.021.615	386.336.776.581
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	763.697.021	1.204.643.347
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	289.185.532.498	241.573.493.819
- Ngân hàng phát triển Việt Nam	65.577.466.993	87.224.914.439
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	14.869.576.200	19.804.426.857
- Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt	9.327.965.720	12.875.511.879
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thương tín	3.080.894.958	6.240.036.240
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	8.115.888.225	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	8.000.000.000	12.493.750.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	3.690.000.000	4.920.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	302.044.839.430	206.755.767.204
- Hirose Shokai Limited	3.676.116.355	-
- Công ty tài chính dệt may	32.000.000.000	5.991.804.355
- Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi	70.331.598.080	32.000.000.000
- Onshine Investment Limited	16.733.940.000	70.331.598.080
- Các cá nhân khác	179.303.184.995	98.432.364.769
Trái phiếu có đảm bảo	500.000.000.000	300.000.000.000
Nợ dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	9.485.390.217	39.004.163.481
Cộng	<u>1.214.141.251.262</u>	<u>932.096.707.266</u>

- (i) Các khoản vay ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh và mua sắm tài sản cố định. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.12) và quyền sử dụng đất của khu đất xây dựng chung cư Nhân Phú có diện tích là 4.078,3 m² và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án chung cư Nhân Phú có giá trị dở dang của dự án này tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 98.757.482.535 VND (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Các khoản vay các tổ chức khác và các cá nhân là vay tín chấp để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (iii) Thuê mua tài sản cố định là máy móc, thiết bị của Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	497.268.611.386	94.657.589.771	365.864.335.172	36.746.686.443
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	304.360.527.430	2.315.688.000	200.713.762.766	101.331.076.664
Trái phiếu có bảo đảm	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Thuê tài chính	13.473.548.393	3.988.158.176	9.485.390.217	-
Cộng	<u>1.315.102.687.209</u>	<u>100.961.435.947</u>	<u>1.076.063.488.155</u>	<u>138.077.763.107</u>

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức được chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	31.246.950.000
Cần trừ cổ tức phải trả với khoản lợi nhuận được chia phải thu	1.814.799.090	578.891.600
Cần trừ cổ tức phải trả với khoản phải thu	1.237.734.000	31.127.478
Cổ tức đã thanh toán bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	153.678.060.500	22.153.260.800
Cộng	<u>156.730.593.590</u>	<u>54.010.229.878</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số theo phân quyền lợi của các cổ đông thiểu số tương giá trị tại sản phẩm của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	263.724.585.441	260.606.247.532
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	23.520.299.227	17.691.419.572
Cổ tức đã chia trong năm	(24.985.170.284)	-
Tăng vốn bổ sung	16.232.000.000	4.278.000.000
Chuyển nhượng cổ phần	(323.000.000)	2.400.000.000
Phân phối các quỹ	(4.912.016.552)	(1.847.073.834)
Giảm do giải thể và chuyển nhượng công ty con	(6.201.293.763)	(6.378.218.428)
Giảm do sáp nhập Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú và Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	(145.535.851.883)	-
Giảm khác	(1.627.799.745)	(13.025.789.401)
Số cuối năm	<u>119.891.752.441</u>	<u>263.724.585.441</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.186.807.086.847	4.297.726.077.554
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>1.262.300.459.828</i>	<i>1.897.698.788.032</i>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>2.814.251.295.142</i>	<i>2.328.506.524.757</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>48.372.434.516</i>	<i>71.520.764.765</i>
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>61.882.897.361</i>	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.181.998.527)	(3.083.289.333)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(11.705.488)</i>	-
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(1.860.084.455)</i>	<i>(1.770.394.050)</i>
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(3.310.208.584)</i>	<i>(1.312.895.283)</i>
Doanh thu thuần	<u>4.181.625.088.320</u>	<u>4.294.642.788.221</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.261.677.167.452	1.897.698.788.032
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.809.692.588.991	2.325.423.235.424
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	48.372.434.516	71.520.764.765
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	61.882.897.361	-
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.229.922.529.298	1.777.520.677.177
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.456.484.293.932	1.921.569.746.408
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.935.102.420	15.505.660.454
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	82.099.052.040	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	883.254.507	5.193.141.475
Cộng	<u>3.787.324.232.197</u>	<u>3.719.789.225.514</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	694.142.580	1.171.395.573
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	616.434.912	1.178.573.957
Lãi tiền cho vay	7.722.828.027	12.297.560.993
Lãi được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	21.745.188.891	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.391.433.800	9.902.393.900
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.424.526.620	6.939.136.438
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.412.505.999	-
Thu nhập do chuyển nhượng đầu tư ngắn hạn	2.966.498.400	-
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn	28.008.742.809	15.909.245.346
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.821.064.458	261.499.554
Cộng	<u>101.803.366.496</u>	<u>47.659.805.761</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	145.721.490.502	178.331.879.629
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	12.786.397.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.010.691.324	14.632.283.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	962.565.183	1.329.203.587
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	4.290.307.983	971.200.000
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng đầu tư ngắn hạn	849.160.180	-
(Hoàn nhập)/Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(12.297.960.569)	5.491.855.737
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.291.610.026	3.329.693.334
Cộng	<u>164.827.864.629</u>	<u>216.872.512.678</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.588.876.146	15.700.028.384
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.734.911.727	2.767.925.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.797.950	88.389.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.179.610.955	65.198.691.105
Chi phí khác	9.253.726.301	17.650.586.041
Cộng	<u>90.894.923.079</u>	<u>101.405.619.931</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	106.038.295.715	105.246.816.661
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.135.811.542	7.025.378.016
Chi phí thuế và lệ phí	4.289.115.097	1.403.197.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.936.888.717	4.253.279.388
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.770.981.096	3.126.576.771
Chi phí dự phòng	(4.496.881.164)	2.858.485.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.981.813.974	22.013.193.213
Chi phí khác	56.324.130.223	47.817.109.638
Cộng	<u>202.980.155.200</u>	<u>193.744.035.857</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	16.198.932.466	60.842.775.623
Thu từ chuyển nhượng dự án	-	1.527.068.578
Tiền bồi thường hỗ trợ	-	408.850.099
Thu tiền của Ban quản lý khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô	-	1.300.000.000
Thu tiền bán phế liệu	161.454.545	830.087.165
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.613.561.342	106.666.278
Thu nhập khác	21.003.930.073	2.561.564.800
Cộng	<u>38.977.878.426</u>	<u>67.577.012.543</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	11.965.146.023	61.632.183.800
Khấu hao máy móc thiết bị và nhà xưởng cho thuê tại nhà máy dệt Hải Vân	872.225.545	-
Chi phí lợi thế thương mại dự án	24.274.000.000	1.527.068.578
Thuế bị phạt, bị truy thu	70.781.679	633.103.913
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	2.189.066.051
Chi phí khác	3.749.961.983	1.976.446.743
Cộng	<u>40.932.115.230</u>	<u>67.957.869.085</u>

3004
CÔNG
HÀNH
TOÁN
A
H.T.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	178.377.835.508	227.023.643.783
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	178.377.835.508	227.023.643.783
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	69.724.485	64.563.684
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.558	3.516

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	64.563.941	61.438.941
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ phát hành lại	589.575	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm trước	-	3.124.743
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm nay	4.570.969	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	69.724.485	64.563.684

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay nhập vốn vay	1.282.150.306	800.969.351
Cần trừ khoản chia cổ tức với khoản lợi nhuận được chi phải thu	408.504.000	578.891.600
Cần trừ cổ tức với khoản phải thu	1.237.734.000	31.127.478
Mua TSCĐ hữu hình bằng cách cần trừ công nợ phải thu	288.077.484.609	-
Mua TSCĐ hữu hình bằng cách nhận nợ vay dài hạn	212.448.495.253	-
Tăng TSCĐ thuê tài chính bằng cách nhận khoản nợ phải trả dài hạn	31.209.226.854	-
Mua TSCĐ thuê tài chính bằng cách cần trừ công nợ phải thu	8.883.490.535	-
Cần trừ công nợ phải trả và cổ tức phải thu	20.954.690.000	-
Giảm khoản nợ phải trả tiền mua tài sản của Công ty cổ phần dệt may Nha Trang và nhận một khoản nợ vay từ Chi nhánh Công ty tài chính dệt may theo thỏa thuận nợ ba bên	7.149.648.355	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cần trừ công nợ phải trả với khoản thu hồi vốn đầu tư tại Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	65.235.173.666	-
Chuyển nợ cho vay thành khoản đầu tư dài hạn khác	150.000.000.000	-
Thanh lý các khoản đầu tư	56.957.230.000	-
Cần trừ nợ phải thu thanh lý khoản đầu tư với nợ gốc khoản vay dài hạn	82.000.000.000	-
Cần trừ nợ phải thu thanh lý khoản đầu tư với lãi vay phải trả	8.000.000.000	-
Chuyển khoản cho Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức vay sang thành khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty cổ phần Thông Đức theo biên bản cần trừ công nợ ba bên	-	15.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	31.246.950.000
Chuyển dự án đầu tư xây dựng cơ bản sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	26.773.430.243
Cần trừ thu thanh lý tài sản với công nợ phải trả khác	-	1.527.068.578
Chuyển chi phí trả trước dài hạn sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	51.732.098.415	-
Mua TSCĐ bằng cách nhận nợ phải trả	30.752.795.746	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty mẹ và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.333.976.000	3.293.976.000
Các khoản bảo hiểm	325.854.484	310.643.373
Cộng	3.659.830.484	3.604.619.373

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần may Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9	Công ty liên kết
Công ty TNHH vận tải giao nhận Trimax	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Lợi nhuận được chia	151.052.343.900	125.994.104.020
Cung cấp dịch vụ	15.316.858.307	14.717.976.715
Bán thành phẩm	229.744.009.906	-
Mua nguyên liệu	79.976.548.800	-
Thu bồi thường	571.725.000	-
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức		
Cho vay	-	1.800.000.000
Lợi nhuận được chia	-	25.976.551
Lãi cho vay	76.400.000	12.644.444
Mua bán hàng hoá, dịch vụ	-	909.091
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	95.540.690.227	94.839.472.133
Cung cấp dịch vụ	18.520.676.057	13.820.895.227
Cổ tức được chia	-	4.800.000.000
Tiền chuyển nhượng dự án	-	1.527.068.578
Trả tiền cổ tức	-	235.000.000
Chuyển nhượng vốn đầu tư	-	10.479.600.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		
Bán nguyên liệu, thành phẩm	49.408.310.436	97.442.922.625
Cung cấp dịch vụ	1.093.762.932	794.445.765
Cho vay	32.200.000.000	193.600.000.000
Phí thu xếp vốn	-	2.100.000.000
Lãi cho vay	5.262.580.552	3.331.354.165
Nhận trước tiền chuyển nhượng cổ phần	5.000.000.000	-
Mua hàng hóa	21.323.429.593	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư dự án Đồng Mai	21.969.188.891	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9		
Thu cổ tức	750.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức		
Lãi cho vay	431.050.038	251.968.042
Cho vay	1.400.000.000	1.125.914.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định	-	1.816.468.874
Cung cấp dịch vụ	147.491.055	145.022.730
Bán tài sản cố định	1.816.468.874	-
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú		
Góp vốn	12.000.000.000	9.421.518.707
Mua nguyên liệu sợi, khăn	258.654.869.910	15.475.200.622
Nhận cung cấp dịch vụ	6.658.378.767	-
Bán nguyên liệu sợi, vật tư, khăn	295.996.596.528	44.694.149.550
Cung cấp dịch vụ	12.631.498.998	-
Bán tài sản	6.446.507.343	-
Lãi cho vay	418.351.668	-
Lãi thuê tài chính phải thu lại liên quan các tài sản cố định cho thuê	378.995.490	-
Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	-	713.963.164
Góp vốn	-	3.099.957.470
Thu hồi vốn góp	5.136.658.813	-
Tập đoàn dệt may Việt Nam		
Lãi vay phải trả	-	1.851.666.666
Mua dịch vụ	-	1.282.323.000
Các khoản nhận hỗ trợ	1.923.484.500	472.147.272
Bán thành phẩm	117.163.800	-
Chuyển nhượng cổ phiếu đầu tư công ty mẹ	8.483.418.400	-
Công ty TNHH vận tải và giao nhận Trimax		
Lợi nhuận được chia	6.100.619.000	-
Công ty cổ phần may Đà Lạt		
Cổ tức được chia	338.483.421	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lãng Cô		
Góp thêm vốn	400.000.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Phải thu lợi nhuận được chia	150.000.000.000	124.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	60.071.239.322	3.184.193.476
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú		
Phải thu tiền bán nguyên vật liệu, dịch vụ	19.020.106.243	12.150.696.181
Phải thu cổ tức được chia	-	4.800.000.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Daewon Thủ Đức		
Phải thu tiền di dời, giải phóng mặt bằng	67.757.221.791	67.594.981.628
Phải thu tiền cho vay	2.000.000.000	3.925.914.000
Phải thu lãi cho vay	446.998.902	251.966.942
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		
Phải thu tiền hàng	20.424.674.713	27.378.258.401
Phải thu lãi cho vay	5.765.572.222	1.805.102.683
Phải thu tiền cho vay	68.300.000.000	192.100.000.000
Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư dự án Đồng Mai	21.969.188.891	-
Ứng trước tiền hàng	35.000.000.000	-
Tập đoàn dệt may Việt Nam		
Phải thu khác	28.640.040	6.000.000
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức		
Phải thu lãi cho vay	12.400.000	9.200.000
Phải thu tiền cho vay	-	1.800.000.000
Trả trước tiền xây dựng	2.608.914.736	-
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú		
Phải thu tiền bán nguyên liệu, tài sản	61.763.285.741	26.110.865.517
Công ty TNHH ITG - Phong Phú		
Bán hàng hóa	-	7.518.022.627
Cộng nợ phải thu	<u>515.168.242.601</u>	<u>472.635.201.455</u>
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	24.058.326.164	-
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức		
Mua lại dự án Phước Long	-	375.301.176
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú		
Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	-
Tập đoàn dệt may Việt Nam		
Phải trả tiền vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú		
Phải trả tiền bồi thường	1.574.038.263	-
Cộng nợ phải trả	<u>50.632.364.427</u>	<u>20.375.301.176</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sợi, vải, khăn, chỉ may, may mặc thời trang ...
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Lĩnh vực dịch vụ: cho thuê nhà xưởng.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của các Công ty trong Tập đoàn được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tập đoàn chủ yếu là Việt Nam và các nước khác (Hàn Quốc, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia,...).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	2.703.440.904.320	2.744.660.419.221
Các nước khác	1.478.184.184.000	1.549.982.369.000
Cộng	4.181.625.088.320	4.294.642.788.221

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	11.837.597.064	1.923.484.500
Trên 01 năm đến 05 năm	19.184.741.697	3.846.969.000
Cộng	31.022.338.761	5.770.453.500

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	6.268.593.570	9.125.928.336
Trên 01 năm đến 05 năm	4.094.405.372	9.834.115.335
Cộng	10.362.998.942	18.960.043.671

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi phòng kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của các Công ty trong Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty liên quan và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.236.462.893	-	59.236.462.893
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	701.179.832.925	117.847.131.414	819.026.964.339
Các khoản cho vay	111.986.828.330	-	111.986.828.330
Các khoản phải thu khác	293.323.346.892	4.542.551.090	297.865.897.982
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	637.561.395.841	96.618.996.054	734.180.391.895
Cộng	1.805.287.866.881	219.008.678.558	2.024.296.545.439



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.232.264.483	-	76.232.264.483
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.245.000.000	-	4.245.000.000
Phải thu khách hàng	617.163.755.224	131.743.452.573	748.907.207.797
Các khoản cho vay	267.712.742.330	-	267.712.742.330
Các khoản phải thu khác	212.556.209.036	4.542.551.090	217.098.760.126
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	435.050.576.146	192.864.631.660	627.915.207.806
Cộng	1.612.960.547.219	329.150.635.323	1.942.111.182.542

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.458.277.492.067	1.076.063.488.155	138.077.763.107	2.672.418.743.329
Phải trả người bán	248.082.481.551	23.399.508.851	-	271.481.990.402
Các khoản phải trả khác	55.550.029.585	32.425.616.270	-	87.975.645.855
Cộng	1.761.910.003.203	1.131.888.613.276	138.077.763.107	3.031.876.379.586
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.510.091.541.235	801.875.106.703	130.221.600.563	2.442.188.248.501
Phải trả người bán	294.341.695.468	-	-	294.341.695.468
Các khoản phải trả khác	128.916.162.690	32.397.338.870	-	161.313.501.560
Cộng	1.933.349.399.393	834.272.445.573	130.221.600.563	2.897.843.445.529

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	JPY	USD	EUR	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.339,22	2,86	-	564.558,93	2,86	-
Phải thu khách hàng	6.606.121,32	-	-	6.314.492,82	-	-
Các khoản phải thu khác	28.000,00	-	-	42.864,16	-	-
Vay và nợ	(45.509.671,26)	(15.028,00)	(34.000.000,00)	(31.292.956,21)	(37.570,00)	-
Phải trả người bán	(420.688,12)	-	(131.524.416,00)	(1.934.216,93)	-	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(39.161.898,84)	(15.025,14)	(165.524.416,00)	(26.305.257,23)	(37.567,14)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 16.738.578.802 VND (năm trước giảm/tăng 11.086.613.713 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, giữa VND và JPY đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	USD	EUR	VND	USD	EUR
Các khoản cho vay	111.986.828.330	-	-	267.712.742.330	-	-
Vay và nợ	(1.700.385.090.268)	(45.009.671,26)	(15.028,00)	(1.782.419.923.681)	(31.292.956,21)	(37.570,00)
Nợ phải trả thuần	<u>(1.588.398.261.938)</u>	<u>(45.009.671,26)</u>	<u>(15.028,00)</u>	<u>(1.514.707.181.351)</u>	<u>(31.292.956,21)</u>	<u>(37.570,00)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 31.767.965.239 VND (năm trước giảm/tăng 30.294.143.627 VND).

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất vay USD và EUR đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa và giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.236.462.893	-	76.232.264.483	-	59.236.462.893	76.232.264.483
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	4.245.000.000	-	2.000.000.000	4.245.000.000
Phải thu khách hàng	819.026.964.339	(28.292.317.786)	748.907.207.797	(40.595.435.993)	790.734.646.553	708.311.771.804
Các khoản cho vay	111.986.828.330	-	267.712.742.330	-	111.986.828.330	267.712.742.330
Các khoản phải thu khác	297.865.897.982	(4.542.551.090)	217.098.935.126	(4.152.551.090)	293.323.346.892	212.946.384.036
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	734.180.391.895	(30.479.877.879)	627.915.207.806	(42.777.838.448)	703.700.514.016	585.137.369.358
Cộng	<u>2.024.296.545.439</u>	<u>(63.314.746.755)</u>	<u>1.942.111.357.542</u>	<u>(87.525.825.531)</u>	<u>1.960.981.798.684</u>	<u>1.854.585.532.011</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	2.672.418.743.329	2.442.188.248.501	2.672.418.743.329	1.510.091.541.235
Phải trả người bán	271.481.990.402	294.341.695.468	271.481.990.402	294.341.695.468
Các khoản phải trả khác	87.975.645.855	161.313.676.560	87.975.645.855	128.916.337.690
Cộng	3.031.876.379.586	2.897.843.620.529	3.031.876.379.586	1.933.349.574.393


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 03 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015


Phạm Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, phường Tăng Nhom Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	399.702.840.681	1.915.614.223.236	38.513.540.090	3.167.473.571	1.723.580.278	2.358.721.657.856
Mua trong năm	17.694.786.889	2.302.862.618	4.914.994.652	-	-	24.912.644.159
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	45.596.552.626	21.538.889.690	1.419.724.600	67.360.200	-	68.622.527.116
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	34.550.157.201	-	-	-	34.550.157.201
Thanh lý, nhượng bán	(4.235.365.537)	(49.381.174.081)	(874.413.522)	(177.498.181)	(1.262.776.128)	(55.931.227.449)
Giảm khác	-	(344.472.441)	-	(212.274.892)	-	(556.747.333)
Số dư cuối năm	458.758.814.659	1.924.280.486.223	43.973.845.820	2.845.060.698	460.804.150	2.430.319.011.550
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.416.679.907	237.724.724.201	12.476.804.699	1.149.179.242	-	283.767.388.049
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	178.316.109.531	1.047.176.254.560	23.718.329.146	2.217.421.070	1.558.197.253	1.252.986.311.560
Khấu hao trong năm	14.863.438.763	114.712.932.060	3.101.802.254	951.457.406	10.896.000	133.640.526.483
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	4.935.736.728	-	-	-	4.935.736.728
Thanh lý, nhượng bán	(3.722.542.933)	(38.119.679.520)	(838.625.744)	(156.314.854)	(1.128.918.375)	(43.966.081.426)
Giảm khác	-	(254.338.687)	-	-	-	(254.338.687)
Số dư cuối năm	189.457.005.361	1.128.450.905.141	25.981.505.656	3.012.563.622	440.174.878	1.347.342.154.658
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	221.386.731.150	868.437.968.676	14.795.210.944	950.052.501	165.383.025	1.105.735.346.296
Số cuối năm	269.301.809.298	795.829.581.082	17.992.340.164	(167.502.924)	20.629.272	1.082.976.856.892

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Phạm Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	625.000.000.000	34.691.336.001	(12.823.260.643)	144.685.091.381	24.026.496.505	174.696.507.184	990.276.170.428
Phát hành cổ phiếu lẻ	3.050.000	-	-	-	-	-	3.050.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	227.023.643.783	227.023.643.783
Tạm ứng cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(6.997.072)	(6.997.072)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	31.246.950.000	-	-	-	-	(31.246.950.000)	-
Phân phối các quỹ trong năm nay	-	-	-	45.654.716.388	10.203.636.050	(76.756.782.012)	(20.898.429.574)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(726.251.001)	(726.251.001)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(4.803.402.092)	(4.803.402.092)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	-	-	-	-	-	(2.823.235.861)	(2.823.235.861)
Giảm do thoái vốn Công ty con	-	-	-	-	-	(1.360.780.855)	(1.360.780.855)
Các tăng, giảm khác	-	769.500.000	-	-	(315.764.893)	(4.519.129.417)	(4.065.394.310)
Số dư cuối năm trước	656.250.000.000	35.460.836.001	(12.823.260.643)	190.339.807.769	33.914.367.662	279.476.622.657	1.182.618.373.446
Số dư đầu năm nay	656.250.000.000	35.460.836.001	(12.823.260.643)	190.339.807.769	33.914.367.662	279.476.622.657	1.182.618.373.446
Tăng vốn trong năm nay	77.255.810.000	-	-	-	-	-	77.255.810.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	178.377.835.508	178.377.835.508
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(98.437.500.000)	(98.437.500.000)
Phân phối các quỹ trong năm nay	-	-	-	7.359.121.622	145.206.010	(18.696.675.943)	(11.192.348.311)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(426.666.668)	(426.666.668)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.081.000.000)	(1.081.000.000)
Tăng, giảm do sáp nhập, giải thể	-	-	12.130.760.643	-	-	-	65.268.643.591
Sử dụng quỹ để trả các khoản thuế thu nhập	-	-	-	-	-	-	-
doanh nghiệp và khoản tiền bị phạt của 02 công ty con trước khi sáp nhập	-	-	-	(3.632.369.766)	-	-	(3.632.369.766)
Điều chỉnh giảm do thoái vốn các khoản đầu tư công ty con và liên kết	-	-	-	-	-	(24.939.341.734)	(24.939.341.734)
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(15.398.804.382)	(15.398.804.382)
Số dư cuối năm nay	733.505.810.000	35.460.836.001	(692.500.000)	247.204.442.573	34.059.573.672	298.874.469.438	1.348.412.631.684

Đơn vị tính: VND



(Signature)
 Trương Thị Ngọc Phương
 Kế toán trưởng

(Signature)
 Phạm Thị Quỳnh Trang
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.809.692.588.991	1.261.677.167.452	48.372.434.516	61.882.897.361	-	4.181.625.088.320
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.809.692.588.991	1.261.677.167.452	48.372.434.516	61.882.897.361	-	4.181.625.088.320
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	353.208.295.059	31.754.638.154	30.437.332.096	(20.216.154.679)	-	395.184.110.630
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(294.758.332.786)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	100.425.777.844
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	101.803.366.496
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(164.827.864.629)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	38.977.878.426
Chi phí khác	-	-	-	95.182.450	-	(40.932.115.230)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	185.413.850.462
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(18.833.667.360)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	(129.091.274)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	185.318.668.012	-	-	95.182.450	-	201.898.134.735
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	114.913.305.267	-	(7.659.923.555)	10.445.156.886	-	117.698.538.598
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	196.312.814.222	-	3.054.473.880	2.029.275.670	-	201.396.563.772
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.325.423.235.424	1.897.698.788.032	71.520.764.765	-	-	4.294.642.788.221
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.325.423.235.424	1.897.698.788.032	71.520.764.765	-	-	4.294.642.788.221
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	403.853.489.016	120.178.110.855	56.015.104.311	-	-	580.046.704.182
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(300.342.797.263)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	279.703.906.919
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	47.659.805.761
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(216.872.512.678)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	67.577.012.543
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(67.957.869.085)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	170.821.441.986
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(380.680.003)	-	(38.189.158.328)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	1.972.436.237
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	162.326.704.877	-	8.875.417.112	-	-	244.715.063.355

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

245.249.210.724 - 2.106.448.799 9.835.852.888 257.191.512.411

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

136.957.988.458 - 10.566.603.616 - 147.524.592.074

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

- - - -

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.110.962.465.004	291.915.054.900	27.376.476.926	485.989.294.255		2.916.243.291.085
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						1.756.018.396.427
Tổng tài sản	613.136.794.699	116.172.399.637	-	18.607.315.633		747.916.509.969
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận						2.456.040.793.418
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						3.203.957.303.387
Tổng nợ phải trả	2.026.194.090.172	139.277.402.441	68.150.540.613	691.853.328.262		2.925.475.361.488
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận						1.610.421.572.245
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						4.535.896.933.733
Tổng tài sản	641.619.842.924	78.345.078.553	684.693.442.783	159.320.724.952		1.563.979.089.212
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận						1.525.574.885.634
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						3.089.553.974.846
Tổng nợ phải trả						4.615.128.860.480

Đơn vị tính: VND



Phạm Thị Quỳnh Trang
 Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phương
 Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
 Tổng Giám đốc

